

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2025
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2. Ông Trần Tấn Phát

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Hoàng Ngân G, sinh năm 1977; địa chỉ: K, tổ C, Khu phố D, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh); CCCD số: 072177005958 do Cục C về TTXH cấp ngày 29/4/2021; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: K, tổ C, Khu phố D, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh); CCCD số: 072077006089 do Cục C về TTXH cấp ngày 29/4/2021; Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N1 - Chi nhánh tỉnh T; (Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: D C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Hoàng Ngân G trình bày:*

Bà G, ông T có thời gian tìm hiểu nhau, tổ chức hôn lễ theo phong tục và về chung sống với nhau từ năm 2000; được Ủy ban Nhân dân Phường D, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/08/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 1/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không còn tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm không hàn gắn đoàn tụ được nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung Đặng Võ Hồng A, sinh năm 2003, Đặng Võ Hữu N, sinh năm 2003, Đặng Võ Quế T1, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như bà G trình bày.

Về hôn nhân: Bà G yêu cầu ly hôn với ông T thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng N1 - Chi nhánh tỉnh T, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N1 - Chi nhánh tỉnh T:*

Vợ chồng bà Võ Hoàng Ngân G, ông Đặng Văn T có vay vốn tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh tỉnh T theo 03 (ba) Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-2022-03258 ngày 03/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 04/03/2024. Số tiền vay: 500.000.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Bù đắp tài chính tiền mua nhà gỗ cũ đã qua sử dụng, thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày 03/06/2022 đến hết ngày 02/06/2027. Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-202301540 ngày 24/03/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 04/03/2024. Số tiền vay: 800.000.000 đồng (bằng chữ: Tám trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Mua sắm vật dụng sinh hoạt, thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày 24/03/2023 đến hết ngày 23/03/2028. Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-202500766 ngày 11/03/2025. Số tiền vay: 400.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng), mục đích vay vốn: Sản xuất đồ gỗ, thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày ký đến ngày 11/03/2026. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 27/03/2024 là 1.366.741.919 đồng (bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm mười chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.340.000.000 đồng và nợ lãi là 26.741.919 đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho 03 (ba) Hợp đồng tín dụng trên là:

- Quyền sử dụng đất diện tích 277,80 m², thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số A, tọa lạc tại khu phố C, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận số BE468497 (số vào sổ cấp GCN: CH00886), do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 23/05/2012, đứng tên bà Võ Hoàng Song G1 (Theo Hợp đồng thế chấp số 0221/2023/HĐTC ngày 24/03/2023).

- Quyền sử dụng đất diện tích 395,50 m², thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố C, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận số BS824277 (số vào sổ cấp GCN: CH02661), do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 14/03/2014, đứng tên bà Võ Hoàng Song G2 (Theo Hợp đồng thế chấp số 0100-2018/HĐTC ngày 26/02/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 24/02/2022).

Do khoản vay của ông G2, bà T chưa quá hạn, chưa chuyển sang nhóm nợ xấu và bà G2, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G2 đối với ông T.

+ Về con chung: Có 03 con chung Đặng Võ Hồng Â, sinh năm 2003, Đặng Võ Hữu N, sinh năm 2003, Đặng Võ Quế T1, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành, bà G2, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà G2 có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông T có địa chỉ cư trú tại Khu phố D, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

[2] Về hôn nhân: Bà G2 và ông T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Phường D, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh

Tây Ninh) vào ngày 23/08/2002 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà G2 đối với ông T: Bà G2 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do cả hai không còn tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm không hàn gắn đoàn tụ được. Ông T cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Các con chung Đặng Võ Hồng Â, sinh năm 2003, Đặng Võ Hữu N, sinh năm 2003, Đặng Võ Quế T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành. Bà G2, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà G2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Võ Hoàng Ngân G đối với ông Đặng Văn T. Bà G, ông T được ly hôn.

2. Về con chung: Các con chung Đặng Võ Hồng Â, sinh năm 2003, Đặng Võ Hữu N, sinh năm 2003, Đặng Võ Quế T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành. Bà G, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003983 ngày 03/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà G đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND Phường Tân Ninh, tỉnh TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Dung